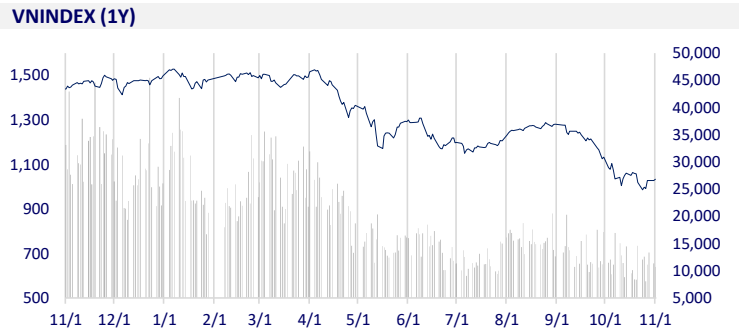
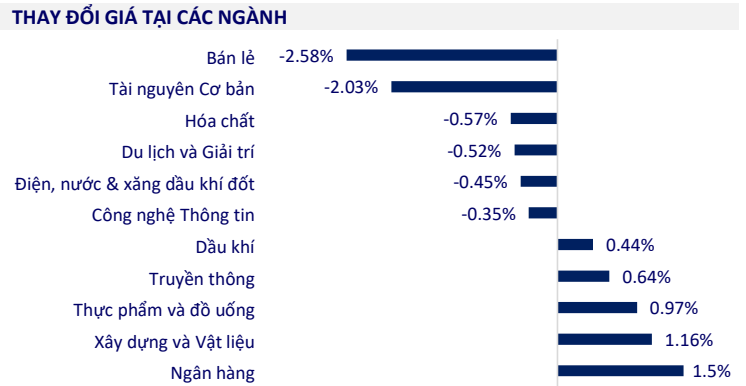


TTCK VIỆT NAM		1D	YTD
VN-INDEX	1,033.75	0.57%	-31.00%
VN30	1,038.09	1.10%	-32.40%
HNX	212.36	0.92%	-55.20%
UPCOM	76.49	0.26%	-32.12%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-762.03		
Tổng GTGD (tỷ)	11,817.59	-5.65%	-61.97%

Thị trường chứng khoán có một phiên giao dịch khá tích cực về mặt điểm số sau những báo cáo tài chính cuối cùng của quý 3 đã được công bố vào ngày hôm qua. Hầu hết kết quả kinh doanh quý 3 của ngành ngân hàng đều vượt trội, trong đó có 9 ngân hàng ghi nhận tốc độ tăng trưởng lớn hơn 50%, bao gồm 4 đại diện đến từ nhóm VN30: ACB, BID, MBB và BID.



ETF & PHÁI SINH		1D	YTD
E1VFN30	17,520	-0.34%	-32.17%
FUEMAV30	12,200	2.95%	-32.56%
FUESSV30	12,580	-2.56%	-33.79%
FUESSV50	15,160	-3.99%	-33.80%
FUESSVFL	13,500	2.97%	-39.95%
FUEVFN30	22,450	0.90%	-19.96%
FUEVN100	13,170	0.69%	-38.69%
VN30F2303	1,010	-0.01%	
VN30F2212	1,010	-0.36%	
VN30F2211	1,013	-0.29%	
VN30F2210	1,018	-0.59%	



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI		1D	YTD
Nikkei	27,678.92	0.33%	-3.86%
Shanghai	2,969.20	2.62%	-18.42%
Kospi	2,335.22	1.81%	-21.58%
Hang Seng	15,455.27	5.23%	-33.95%
STI (Singapore)	3,130.50	1.21%	0.22%
SET (Thái Lan)	1625.73	1.05%	-1.92%
Dầu Brent (\$/thùng)	94.36	1.90%	23.35%
Vàng (\$/ounce)	1,654.85	1.13%	-9.11%

Chứng khoán Trung Quốc và Hong Kong tăng vọt vào phiên giao dịch thứ Ba sau một tin đồn chưa được xác minh lan truyền trên các phương tiện truyền thông rằng Trung Quốc đang có kế hoạch mở cửa trở lại từ đợt Covid vào tháng 3. Điều này đã kích hoạt một sự phục hồi mạnh mẽ trên thị trường chứng khoán.

KINH TẾ VĨ MÔ		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	6.12%	89	531
Lãi suất tiết kiệm 12T	7.40%	0	180
TPCP - 5 năm	4.85%	4	384
TPCP - 10 năm	4.90%	12	290
USD/VND	24,882	0.01%	8.47%
EUR/VND	25,158	-0.45%	-4.95%
CNY/VND	3,489	0.46%	-4.62%

Việc tăng lãi suất lần thứ hai (25/10) liên tiếp trong vòng một tháng diễn ra ngay trước cuộc họp FOMC của Mỹ vào tuần này, cho thấy sự quyết liệt của SBV trong việc giảm thiểu rủi ro lạm phát tăng, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Dù vậy, hệ quả là hàng loạt ngân hàng chạy đua nâng lãi suất huy động, đặc biệt nhiều ngân hàng tăng kịch trần lãi suất huy động ngắn hạn, nhóm ngân hàng quốc doanh cũng đẩy mạnh lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lên mức 7,4%/năm, tức tăng thêm hơn 1 điểm phần trăm.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
PLX	11/9/2022	11/10/2022	11/29/2022	Tiền mặt		1,200
SZL	11/10/2022	11/11/2022	11/30/2022	Tiền mặt		1,000
DNW	11/14/2022	11/15/2022	12/15/2022	Tiền mặt		300
SFC	11/14/2022	11/15/2022	12/5/2022	Tiền mặt		1,600
HJS	11/15/2022	11/16/2022	11/25/2022	Tiền mặt		500
SZG	11/29/2022	11/30/2022	12/28/2022	Tiền mặt		500
NTC	11/29/2022	11/30/2022	12/26/2022	Tiền mặt		1,000
FOX	11/29/2022	11/30/2022	12/30/2022	Tiền mặt		1,000

TIN TỨC CHỌN LỌC

PMI tháng 10 đạt 50.6 điểm, sản lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm lại thành mức thấp của 13 tháng

Chưa gỡ được “thẻ vàng”, xuất khẩu hải sản sang EU ngày càng mờ nhạt

Giá xăng tăng đợt thứ ba liên tiếp

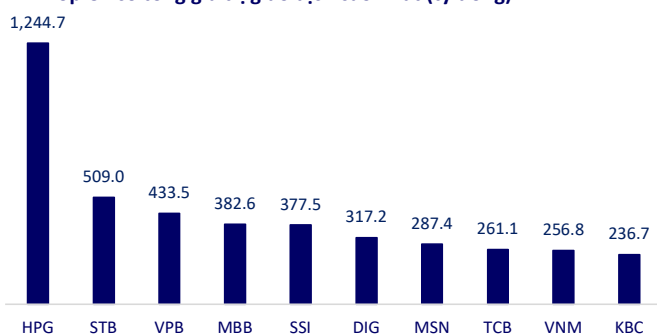
Giá nhà ở Anh lần đầu giảm sâu kể từ dịch Covid

Ngân hàng Thụy Sĩ lỗ 143 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm

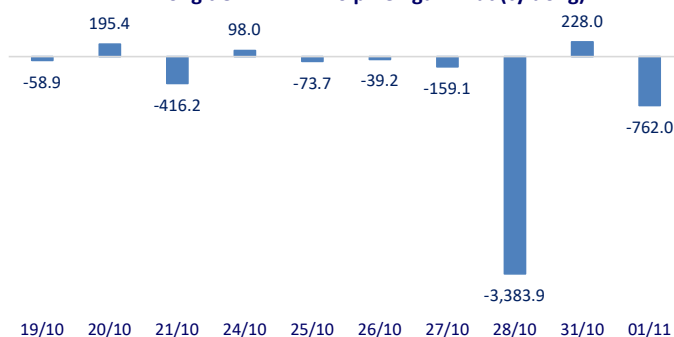
Gần gấp đôi số công ty Mỹ cắt giảm đầu tư vào Trung Quốc trong năm nay so với năm ngoái

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	75,000	2.04%	7.30%	1,093,219	1,240,765	STB: Sacombank báo lãi trước thuế quý III/2022 tăng 86% so với cùng kỳ, thu được hơn 1.532 tỷ đồng. Hoạt động chính tăng đến 74%, thu được gần 5.762 tỷ đồng thu nhập lãi thuần. Các nguồn thu ngoài lãi cũng khả quan như lãi từ dịch vụ tăng 75% so cùng kỳ khi ghi nhận 1.031 tỷ đồng; lãi từ kinh doanh ngoại hối tăng 46%, đạt 220 tỷ đồng; lãi từ hoạt động khác tăng 5% ghi nhận 41 tỷ đồng. Như vậy, so với kế hoạch 5.280 tỷ đồng lãi trước thuế được đề ra cho cả năm 2022, Sacombank đã thực hiện được 84% sau 9 tháng đầu năm.
BID	34,050	-1.45%	8.79%	2,480,941	3,543,005	
CTG	24,450	-0.61%	8.91%	13,853,125	17,173,720	
TCB	25,650	4.27%	20.42%	14,927,483	14,849,272	
VPB	17,200	5.20%	11.33%	40,671,952	39,413,051	
MBB	18,000	1.69%	9.76%	37,561,722	34,131,638	
HDB	16,600	1.22%	3.75%	5,461,468	5,112,446	
TPB	21,800	5.31%	8.19%	10,198,948	9,351,467	
STB	16,900	4.64%	13.42%	50,533,497	46,009,349	
VIB	20,150	2.81%	4.68%	7,640,189	7,233,286	
ACB	22,450	0.22%	10.05%	4,641,436	6,266,725	
NVL	70,000	0.00%	-6.67%	1,720,105	1,669,474	NVL: Tính đến 30/9/2022, nợ vay của NVL tại các tổ chức tín dụng tăng 19% so với đầu năm lên mức 72 nghìn tỷ đồng (xấp xỉ 3 tỷ USD), tương đương 27.7% tổng tài sản
KDH	22,800	0.44%	8.57%	2,196,135	2,624,384	
PDR	42,400	-2.97%	-9.21%	2,114,143	2,482,124	
GAS	110,000	-0.99%	2.61%	683,669	1,091,716	Công suất vận hành dự kiến năm 2023 của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất là 103% với 300 ngày vận hành (trừ 50 ngày để thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 và 15 ngày dự phòng)
POW	10,350	0.00%	3.81%	10,798,948	10,587,741	
PLX	29,100	2.11%	3.93%	1,317,418	1,670,137	
VIC	55,400	0.00%	-1.25%	2,146,282	2,341,065	
VHM	45,000	0.00%	0.90%	3,640,439	5,122,741	VIC: 9 tháng năm 2022, mảng kinh doanh BĐS chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất (40%), đóng góp 25.700 tỷ đồng cho toàn tập đoàn. VinFast đạt 9.900 tỷ đồng doanh thu, đứng top 2 với tỷ trọng 15%.
VRE	26,250	6.71%	14.13%	3,583,914	3,205,883	
VNM	80,200	2.17%	5.53%	5,206,959	6,169,391	VNM: Forbes Việt Nam công bố Vinamilk dẫn đầu Top 25 thương hiệu thực phẩm và đồ uống năm nay với giá trị thương hiệu hơn 2.3 tỷ USD tương đương 57.5 ngàn tỷ đồng.
MSN	86,500	1.17%	15.33%	1,398,421	2,250,821	
SAB	183,600	-0.92%	-2.24%	234,697	288,752	
BVH	53,000	0.95%	6.00%	2,008,847	1,914,046	HPG: Trong 9 tháng đầu năm 2022, tổng sản lượng tiêu thụ thép thô của Hòa Phát đạt hơn 6 triệu tấn, trong đó 3,46 triệu tấn thép xây dựng và 2,04 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC). Sản lượng ống thép và tôn đạt lần lượt 577.000 và 249.000 tấn. Trong khi đó, tổng sản lượng thép xây dựng của toàn ngành thép Việt Nam chỉ tăng 8% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng thép xây dựng của Hòa Phát vẫn tăng 24%.
VJC	106,300	-1.21%	-1.57%	200,709	299,170	
FPT	75,500	-0.13%	3.14%	901,862	1,537,562	
MWG	50,100	-2.91%	-3.65%	3,617,360	4,346,744	
GVR	14,500	0.69%	9.02%	2,486,085	2,677,316	
SSI	16,950	3.99%	12.62%	37,874,577	39,601,515	
HPG	15,000	-4.15%	-12.28%	158,808,548	121,612,593	

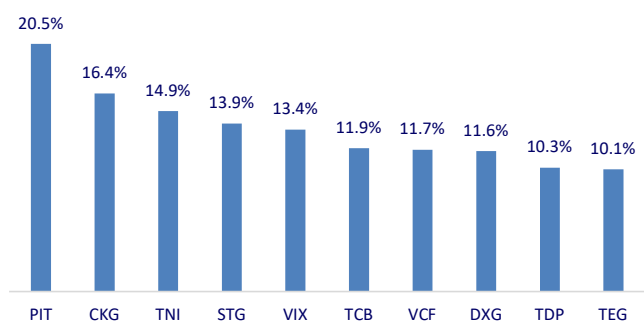
Top CP có tổng giá trị giao dịch cao nhất (tỷ đồng)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên liên tiếp



Top giảm 3 phiên liên tiếp

